

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ TTHC thực thi theo phương án đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 49/TTr-SKHCCN ngày 10/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ thủ tục hành chính thực thi theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ Quy trình được phê duyệt, sửa đổi quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định: số 511/QĐ-UBND ngày 26/02/2020, số 2198/QĐ-UBND ngày 27/9/2023, số 2670/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bị thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NC_T.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Tiến

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên, mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Mức độ DVC	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ: 03 TTHC							
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ. 1.001786.000.00.00.H50	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Toàn trình	2.500.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKH-CN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ.	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

							- Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN.	
2	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước. 1.006427.000.00.00.H50	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Toàn trình	Lệ phí: (Tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm chi trả. Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước)	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN ngày 6/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>
3	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. 1.001716.000.00.00.H50	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Toàn trình	2.500.000 đồng	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

							<p>Công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN và Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. 	
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 03 TTTC							
1	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp 1.011937.H50	25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Toàn trình	Phí thẩm định hồ sơ 250.000	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

							<p>và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. - Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp. - Quyết định số 2060/QĐ-BKHCN ngày 13/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. 	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp 1.011938.H50	17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Toàn trình	Phí thẩm định hồ sơ 250.000	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

						<p>42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.- Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.- Quyết định số 2060/QĐ-BKH-CN ngày 13/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	
--	--	--	--	--	--	--	--

3	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp 1.011939.H50	75 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Toàn trình	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022. - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. - Quyết định số 2060/QĐ-BKHCN ngày 13/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN. - Quyết định số 1202/QĐ-BKHCN ngày 09/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. 	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>
---	---	---	----------------------	-------------------------------	------------	----------------	--	------------------------------------

III	Lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân: 06 TTHC							
1	<p>Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. <p>2.002380.000.00.00.H50</p>	<p>22 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm PVHCC tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI</p>	<p>Một phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định cấp phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000,đ/1thiết bị; + Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000,đ/1thiết bị; + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000,đ/1thiết bị; + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thương: 3.000.000,đ/1thiết bị; + Sử dụng thiết bị X-quang đo mật độ xương: 3.000.000,đ/1thiết bị; + Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000,đ/1thiết bị; + Sử dụng hệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKH&CN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKH&CN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN bãi bỏ 	<p><i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i></p>

						thiết bị PET/CT: 16.000.000,đ/1 thiết bị; -Lệ phí cấp giấy phép: Không.	một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành, liên tịch ban hành.	
2	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế 2.002381.000.00.00.H50	22 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Một phần	- Phí thẩm định cấp phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ- CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT- BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT- BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ- CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT- BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN bãi bỏ	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

							một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.	
3	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế. 2.002382.000.00.00.H50	09 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Một phần	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKH&CN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKH&CN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm 	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

							pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.	
4	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế 2.002383.000.00.00.H50	22 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Một phần	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKH&CN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKH&CN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành, liên tịch ban hành. 	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>

5	<p>Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế <p>2.002384.000.00.00.H50</p>	<p>09 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm PVHCC tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI</p>	<p>Một phần</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKH&CN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKH&CN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành, liên tịch ban hành. 	<p><i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i></p>
---	--	---	-----------------------------	---------------------------------------	-----------------	--------------	--	---

6	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) 2.002379.000.00.00.H50	09 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Một phần	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành. 	<i>Sửa đổi thời hạn giải quyết</i>
---	---	--	----------------------	-------------------------------	----------	-------	--	--

Phụ lục 2

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên thủ tục hành chính	Tổng thời gian giải quyết	Các bước thực hiện	Nội dung công việc và trình tự các bước thực hiện	Thời gian chi tiết (có thể tính theo ngày/giờ)	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ						
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001786.000.00.00.H50	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bước 1 Bước 2 Bước 3 Bước 4 Bước 5 Bước 6 Bước 7	Tiếp nhận hồ sơ Xử lý, thẩm định hồ sơ Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt Phê duyệt hồ sơ Hoàn thiện kết quả Tiếp nhận kết quả Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày 08 ngày 01 ngày 01 ngày 01 ngày 0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh Phòng Quản lý Khoa học Phòng Quản lý Khoa học Sở KH và CN Phòng Quản lý Khoa học Trung tâm PVHCC tỉnh Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức Chuyên viên Lãnh đạo Phòng Lãnh đạo Sở Chuyên viên Công chức Công chức
2	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	- Đối với trường hợp không đặc cách 42 ngày làm	Bước 1 Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ Xử lý, thẩm định hồ sơ	0,5 ngày 35 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh Phòng Quản lý	Công chức Chuyên viên

	không sử dụng ngân sách nhà nước 1.006427.000.00.00.H50	việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.				Khoa học	
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	02 ngày	Phòng Quản lý Khoa học	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	02 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Hoàn thiện kết quả	02 ngày	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên
			Bước 6	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức
			Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức
		- Đối với trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức
			Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ	1 ngày	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	1 ngày		Lãnh đạo phòng
			Bước 3	Phê duyệt hồ sơ	1 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 4	Hoàn thiện kết quả	1 ngày	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức
			Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức
		3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu của văn phòng đại	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày
Bước 2	Xử lý, thẩm định hồ sơ				08 ngày	Phòng Quản lý	Chuyên viên

	diện, chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ 1.001716.000.00.00.H50					Khoa học		
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	01 ngày	Phòng Quản lý Khoa học	Lãnh đạo Phòng	
			Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	01 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở	
			Bước 5	Hoàn thiện kết quả	01 ngày	Phòng Quản lý Khoa học	Chuyên viên	
			Bước 6	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức	
			Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Công chức	
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ							
1	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp 1.011937.H50	25 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên	
			Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng	20 ngày	Phòng QLCN&ĐMST	Chuyên viên	
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	2 ngày	Phòng QLCN&ĐMST	Lãnh đạo phòng	
			Bước 4	Xem xét hồ sơ và ký cấp Giấy chứng nhận	2 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở	
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên	
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên	

2	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp 1.011938.H50	17 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng	12 ngày	Phòng QLCN&ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	2 ngày	Phòng QLCN&ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Xem xét hồ sơ và ký cấp Giấy chứng nhận	2 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
3	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp 1.011939.H50	75 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng	58 ngày	Phòng QLCN&ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	8 ngày	Phòng QLCN&ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Xem xét hồ sơ và ký ban hành văn bản	8 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên

III							
Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân							
1	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. 2.002380.000.00.00.H50	22 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét	15 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	04 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Ký cấp Giấy phép hoặc Công văn thông báo không cấp Giấy phép (Trường hợp không đủ điều kiện), chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	02 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
2	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế 2.002381.000.00.00.H50	22 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét	15 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	04 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Ký cấp gia hạn giấy phép hoặc Công văn thông báo không cấp gia hạn giấy phép (Trường hợp không đủ điều kiện), chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	02 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở

			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
3	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. 2.002382.000.00.00.H50	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét	5 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	2 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Ký cấp sửa đổi giấy phép hoặc Công văn thông báo không cấp sửa đổi giấy phép (Trường hợp không đủ điều kiện), chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	01 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
4	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế 2.002383.000.00.00.H50	22 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét	15 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	04 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Ký cấp bổ sung giấy phép hoặc Công văn thông báo không cấp bổ sung giấy	02 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở

				phép (Trường hợp không đủ điều kiện), chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.			
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
5	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế 2.002384.000.00.00.H50	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét	5 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	2 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Lãnh đạo phòng
			Bước 4	Ký cấp lại giấy phép hoặc Công văn thông báo không cấp lại giấy phép (Trường hợp không đủ điều kiện), chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	01 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
6	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) 2.002379.000.00.00.H50	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 2	Kiểm tra xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo phòng xem xét	5 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Chuyên viên
			Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở duyệt	2 ngày	Phòng QLCN & ĐMST	Lãnh đạo phòng

			Bước 4	Ký cấp Chứng chỉ NVBX hoặc Công văn thông báo không cấp Chứng chỉ NVBX (Trường hợp không đủ điều kiện), chuyển kết quả cho bộ phận một cửa.	01 ngày	Sở KH và CN	Lãnh đạo Sở
			Bước 5	Tiếp nhận kết quả	0,5 ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên
			Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		Trung tâm PVHCC tỉnh	Chuyên viên